Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)
- Cơ hội và thách thức xét trên khía cạnh thể chế

Trương Đình Tuyển

Trào lưu đàm phán các Hiệp định MDTD

- *Sự phát triển của KH-CN và quốc tế hóa quá trình sản xuất đòi hỏi phải tự do hóa thương mại và đầu tư nhằm liên kết các nền kinh tế ở mức độ sâu rộng hơn.*
- *Sự bế tắc trong đàm phán vòng Đô Ha của WTO (đàm phán các Hiệp định MDTD song phương và khu vực vừa thể hiện phản ứng của các nước trước sự bế tắc của đàm phán Đô Ha, vừa tạo động lực cho vòng đàm phán này).*
- *Câu chuyện APEC 2006.*
- *Các Công ty xuyên quốc gia là lực lượng phát động xu thế này vì lợi ích của họ*

Nội dung chính

I. Các tổ chức Thương mại song phương, khu vực và toàn cầu Việt Nam đã và đang tham gia
II. Các HĐMDTD Việt Nam đang đàm phán
III. TPP - Hiệp định MDTD do thế hệ mới
IV. Tác động của TPP đến thể chế kinh tế và cơ chế quản lý
V. Thách thức và cơ hội xét trên khía cạnh thể chế

I. Các tổ chức Thương mại song phương, khu vực và toàn cầu Việt Nam đã tham gia

- Hiệp định MDTD ASEAN
- Các Hiệp định ASEAN+
  - ASEAN-TQ.
  - ASEAN-Hàn Quốc.
  - ASEAN-Nhật Bản.
  - ASEAN- Ấn Độ.
  - ASEAN-Úc Newzealand.
  - Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam –NHật Bản.
  - Hiệp định MDTD Việt Nam Chi lê.
- Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)

II. Các HĐMDTD Việt Nam đang đàm phán

- Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) gồm 12 nước ở hai bờ Thái Bình dương.
- FTA Việt Nam –EU.
- FTA Việt Nam- Liên minh thuế quan Nga, Kazactan, Belarut.
- FTA Việt Nam- Hiệp hội MDTD Châu Âu (Na Uy, Thụy Sĩ, Iceland, Leixtanhtein)
- Hiệp định MDTD ASEAN+6 (TQ, HQ, NB, Ấn Độ, Úc, Newzealand)
- Các Hiệp định mới này có đặc điểm:
- Nhìn chung mức độ tự do hóa cao hơn so với các Hiệp định đã ký và đang có hiệu lực thực thi. Trong đó TPP và FTA Việt Nam –EU là những Hiệp định chất lượng cao (thường được gọi là Hiệp định thế hệ mới).
- Các Hiệp định ta đang đàm phán chiếm trên 90% thương mại và gần như toàn bộ thị trường thu hút đầu tư của Việt Nam

III. TPP - Hiệp định MDTD do thế hệ mới

1. Những nội dung mà WTO đang điều chỉnh và Việt Nam đã cam kết trong WTO thì trong TPP sẽ phải cam kết sâu rộng hơn, với lộ trình tự do hóa nhanh hơn. 2. Những nội dung không có trong WTO, hoặc Việt Nam chưa cam kết trong WTO thì phải đưa vào vào cam kết trong Hiệp định. (Đầu tư, mua sắm Chính phủ, Chính sách cạnh tranh và DNNN,…)
2. Điều chỉnh cả những nội dung không trực tiếp mang tính thương mại nhưng có liên quan (dù rất gián tiếp) đến thương mại (Quyền của người lao động, các tổ chức xã hội dân sự, Lao động-Công đoàn, Môi trường, …)
3. Yêu cầu minh bạch rất cao, cơ chế giải quyết tranh chấp chặt chẽ, cơ chế thực thi và xử phạt nghiêm ngặt…

Khung đàm phán trong TPP (1)

- TPP có 30 chương

1. **Thương mại hàng hóa:**

- Mục tiêu đàm phán:
  - 90% giòng thuế và kim ngạch thương mại về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Số còn lại sẽ được đưa về 0% sau một thời gian, dài nhất là 10 năm (nhưng không phải là tất cả đều 10 năm)
  - Loại bỏ thuế xuất khẩu.
  - Cho phép nhập khẩu hàng đã qua sử dụng và hàng tân trang.
  - Quy tắc xuất xứ chặt chẽ và cơ chế tự chứng nhận xuất xứ.
  - Hàng dệt may: Áp dụng quy tắc xuất xứ từ sợi trở đi. (Hàng dệt may xuất vào các thành viên TPP phải là vải được làm từ sợi tại các nước TPP (nếu sợi và vải không phải được làm ở các nước này sẽ không được hưởng thuế theo Hiệp định).

Khung đàm phán trong TPP (2)

2. Đầu tư

(bao gồm đầu các lĩnh vực phi sản xuất. Riêng dịch vụ tài chính; Thương mại điện tử và viễn thông được tách ra thành những chương riêng)

- Tự do hóa sâu rộng. Tiếp cận theo cách chọn bỏ (không cam kết lĩnh vực, ngành ngề nào thì đàm phán với các nước thành viên và phải được các thành viên chấp thuận) Các ngành nghề còn lại thì không được loại trừ. Rủi ro?
- Cơ chế Rachet (khi thay đổi chính sách chỉ có thể tốt hơn, thuận lợi hơn cho nhà đầu tư).
- Các cơ chế khiếu kiện mới:
  - Nhà đầu tư kiện Chính phủ, Chính phủ kiện chính phủ, Khiếu kiện tiền dự án, khiếu kiện không vi phạm; bồi thừơng và trừng phạt thương mại khi vi phạm.
  - Các tổ chức xã hội dân sự được phép tham gia (dự và có ý kiến phản biện) vào quá trình giải quyết tranh chấp của trọng tài.

Khung đàm phán trong TPP (3)

3. **Mua sắm chính phủ (MSCP)**

- Khi mua sắm hàng hóa và dịch vụ (ví dụ các công trình xây dựng, thủy lợi, các hợp đồng chìa khóa trao tay…) bằng tiền NS phải thực hiện đấu thầu.(do Hoa Kỳ không cam kết ở cấp Bang nên ta cũng không cam kết ở cấp tỉnh, thành phố)
- Quy định ngưỡng giá trị hàng hóa và dịch vụ phải đấu thầu.
- Minh bạch hóa đấu thầu. Quy định về hồ sơ đấu thầu, thời gian thực hiện một cuộc đấu thầu, hệ thống đấu thầu điện tử..
- Điều khoản lao động trong MSCP

Khung đàm phán trong TPP (4)

4. Chính sách cạnh tranh và DNNN.

- Thực thi chính sách cạnh cạnh tranh để tạo lập môi trường kinh doanh công bằng bình đẳng cho các DN.
  - Loại bỏ mọi phân biệt đối xử trong luật pháp và thực tiễn về cơ hội tiếp cận nguồn lực đối với mọi loại hình DN.
- Định nghĩa DNNN và ngưỡng (ví dụ mức doanh thu…)mà với mức đó DNNN phải đưa vào diện điều chỉnh. Phạm vi cạnh tranh của DNNN được điều chỉnh là trên cả 3 thị trường.
  - Nhà nước không được cấp vốn, chỉ đạo cấp tín dụng, bảo lãnh, xóa nợ cho DNNN.
  - Những DNNN độc quyền hoặc độc quyền chỉ định khi kinh doanh các ngành nghề không độc quyền phải chịu sự điều chỉnh của Hiệp định.
  - Cấm bù chéo trong hoạt động của DNNN.
- Chế độ báo cáo hoạt động của DNNN theo tiêu chí minh bach hóa.

Khung đàm phán trong TPP (5)

5. Lao động và công đoàn

- Quyền tự do thành lập công đoàn của một nhóm công nhân ở cơ sở.
- Tự do liên kết hoặc không liên kết của tổ chức công đoàn cơ sở.***(Ta đã khẳng định Việt Nam chỉ có một hệ thống công đoàn thuộc Tổng LĐLĐ Việt Nam và đây là vấn đề thể chế, không thể thay đổi và không ai được phép thay đổi)***
- Cán bộ quản lý DN không được tham gia vào BCH công đoàn. *(ta lập luận họ cũng là người lao động làm thuê)*
- Ở những nơi chưa có tổ chức công đoàn người lao động có quyền lựa chọn người đại diện cho mình trong thương lượng với chủ sử dụng lao động mà không buộc tổ chức công đoàn cấp trên đại diện cho họ, trừ khi họ có yêu cầu trợ giúp.
- Bảo đảm tính độc lập của công đoàn cơ sở trong hoạt động nội bộ và quản lý tài sản, tài chính.
- Hạn chế các ngành nghề cấm đình công.
- Chống lao động cưỡng bức và lao động trẻ em.

Khung đàm phán trong TPP (6)

6. Môi trường

- Tham gia các Công ước đa phương về môi trường
- Thương mại và đa dạng sinh học
- Thương mại và biến đổi khí hậu
- Đánh bắt hải sản và bảo tồn: Cấm khai thác quá mức các loài cá có nguy cơ tuyệt chủng.
  - Với ta khó xác định thế nào là quá mức vì vùng biển ta đánh bắt là đa loài
  - Cấm trợ cấp nghề cá: Ta đang phản đối
- Xác định quy tắc xuất xứ của Hải sản đánh bắt
- Giải quyết tranh chấp

Khung đàm phán trong TPP (7)

7. **Thương mại điện tử và viễn thông**

- Mở rộng khái niệm thương mai điện tử (là tất cả các giao dịch số)
- Quyền tự do lưu chuyển, lưu trữ thông tin mà không bị kiểm soát, ngăn chặn, trừ những nội dung có liên quan đến quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.
- Không đánh thuế vào các giao dịch điện tử xuyên biên giới.
- Không buộc buộc đặt máy chủ tại một địa điểm xác định, kể cả trên lãnh thổ nước mình.
- Quyền tiếp cận trạm cập bờ. (cáp quang biển)
- Cơ quan quản lý viễn thông độc lập.

Khung đàm phán trong TPP (8)

8. Sở hữu trí tuệ

- Mở rộng đối tượng và trách nhiệm bảo hộ (bảo hộ tín hiệu cáp…; Trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ Internet trong việc bảo hộ quyền SHTT.
- Kéo dài thời gian bảo hộ sáng chế, bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan. Bù thời gian bảo hộ do chậm trễ trong việc đăng ký lưu hành dược phẩm)
- Bảo hộ độc quyền dữ liệu thử nghiệm dược phẩm.
- Tăng cường chế tài thực thi (thực thi tại biên giới, thực thi hình sự, không phủ nhận xử lý hành chính nhưng không thay thế cho xử lý hình sự…) khi vi phạm quyền SHTT.

Khung đàm phán trong TPP (9)

9. Pháp lý và thể chế

- Minh bạch hóa ở mức độ cao.
- Cơ chế thực thi và giải quyết tranh chấp rất ngặt nghèo nếu vi phạm có thể áp dụng các biện pháp trừng phạt.

IV. Tác động của TPP đến thể chế kinh tế và cơ chế quản lý (1)

- Môi trường đầu tư thông thoáng hơn
- Tính minh bạch và ổn định cao hơn.
- Yêu cầu bảo vệ nhà đầu tư được ràng buộc chặt chẽ hơn.
- Tăng cường bảo hộ quyền SHTT.
- Tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, tính cạnh tranh cao hơn.
- Coi trọng sự tham gia của các tổ chức xã hội vào quá trình hoạch định chính sách và đề cao trách nhiệm giải trình của CQNN.
- Tách bạch cơ quan hoạch định CS với cơ quan chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN- Loại bỏ mâu thuẫn về lợi ích khi hoạch định chính sách.
- Cơ chế thực thi và giám sát thực thi chặt chẽ hơn.
- Cơ chế giải quyết tranh chấp nghiêm ngặt hơn.

1. Việt Nam sẽ phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường

1.1. Cải cách mạnh mẽ DNNN, tạo lập môi trường cạnh bình đẳng giữa các DN thuộc mọi thành phần kinh tế, kể cả với DN FDI

- Loại bỏ mọi ưu đãi trên thực tế đối với DNNN.
- Minh bạch công khai trong hoạt động của DNNN.
- Tách chức năng chủ sở hữu nhà nước khỏi chức năng hoạch định chính sách.

1.2. Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường, loại bỏ mọi hình thức trợ cấp trái với quy định của WTO

1. Việt Nam sẽ phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường

1.3. Tạo lập môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, có thể tiên liệu được, và thị trường cạnh tranh bình đẳng.

- Minh bạch công khai về cơ chế quản lý và chính sách kinh tế.
- Bảo đảm sự tham gia của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách. Đề cao trách nhiệm giải trình của các CQQL.
- Bảo đảm cho mọi DN có cơ hội bình đẳng trong tiếp cận thông tin, tiếp cận thị trường, tiếp cận nguồn lực.Thực hiện chế độ MFN và NT trong tiếp cận thị trường.
- Bảo vệ nhà đầu tư.

1. Việt Nam sẽ phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường (3)

1.4. Tăng cường thể chế thực thi, và chế tài xử phạt; bảo đảm sự tham gia của các bên lien quan trong quá trình xử lý tranh chấp.

- Để bảo đảm cơ sở pháp lý cho thực thi,Việt Nam sẽ phải sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật. như luật DN (trong đó có DNNN), luật đầu tư, luật mua sắm công, luật SHTT và có thể cả luật hình sự…

2. *Việt Nam sẽ phải định vị lại vai trò của 3 trụ cột trong một thể chế kinh tế thị trường hiện đại là Thị trường, Nhà nước và xã hội*

- Trong đó:(1) Thị trường giữ vai trò quyết định trong việc phân bố nguồn lực (2) Nhà nước sử dụng các công cụ điều tiết nhằm khắc phục "thất bại" của thị trường, thực hiện chức năng kiến tạo phát triển và chiến lược tăng trưởng bao trùm (3) Xã hội đóng vai trò phản biện và giám sát.

V. Thách thức và cơ hội xét trên khía cạnh thể chế

1. Thách thức

- Nghĩa vụ thực thi rất nặng nề, nhất là trong giai đoạn đầu.(bao gồm: điều chỉnh hệ thống pháp luật, tăng cường cơ chế thực thi và trách nhiệm giám sát thực hiện cam kết..)
- Đòi hỏi công chức nhà nước phải thay đổi tư duy lập pháp và tư duy quản lý.
- DNNN phải đẩy mạnh tái cơ cấu, thay đổi cách quản trị
- TPP cũng đòi hỏi đội ngũ chuyên gia, nhất là chuyên gia pháp lý phải có trình độ cao, giỏi ngoại ngữ để xử lý các vụ tranh chấp
- Không chỉ hiểu mình mà còn phải hiểu người (tổ chức thông tin trên dưới, trong ngoài)

V. Thách thức và cơ hội xét trên khía cạnh thể chế

2. Cơ hội

- ***Thách thức tạo ra áp lực cải cách***
  - *Tham gia các FTA thế hệ mới sẽ tạo áp lực để cải cách thể chế, nhưng cũng là cơ hội để hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường. Qua đó, bảo đảm việc phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn.*
  - *Lưu ý rằng thể chế là yếu tố quyết định nhất đến sự phát triển nhanh và bền vững chứ không phải là các lợi thế tự nhiên (tài nguyên, vị trí địa lý…) Thể chế tạo ra lợi thế so sánh động. Và đây chính là lợi ích dài hạn khi tham gia TPP. Tăng trưởng XK, thu hút mạnh đầu tư là kết quả cụ thể của sự hoàn thiện thể chế theo yêu cầu nêu trên.*